PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ CÔNG AN

BỘ CÔNG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 28/2014/TT-BCA

Hà Nội, ngày 07 tháng 7 năm 2014

THÔNG TƯ
Quy định về công tác điều tra hình sự trong Công an nhân dân

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008;

Căn cứ Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004 (sửa đổi, bổ sung năm 2006, năm 2009);

Căn cứ Nghị định số 77/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an; Nghị định số 21/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị định số 77/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2009;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp,

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định về công tác điều tra hình sự trong Công an nhân dân.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết thi hành một số quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004 (sửa đổi, bổ sung năm 2006, năm 2009 - gọi chung là Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004) về nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan điều tra trong Công an nhân dân, các cơ quan khác của Công an nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Công an xã, phường, thị trấn (gọi chung là Công an cấp xã), đồn, trạm Công an; hoạt động điều tra hình sự của Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra, Thủ trưởng, Phó thủ trưởng cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Điều tra viên, cán bộ điều tra thuộc lực lượng Công an nhân dân.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Cơ quan điều tra trong Công an nhân dân; các cơ quan khác của Công an nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra; Công an cấp xã, đồn, trạm Công an.

2. Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra, Thủ trưởng, Phó thủ trưởng cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Điều tra viên, cán bộ điều tra thuộc lực lượng Công an nhân dân.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và hoạt động điều tra vụ án hình sự do Cơ quan điều tra trong Công an nhân dân, các cơ quan khác của Công an nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thụ lý, giải quyết.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Vụ án hình sự đã rõ đối tượng phạm tội* là vụ án hình sự đã có căn cứ xác định được từ một đối tượng thực hiện hành vi phạm tội trở lên.

2. *Vụ án hình sự chưa rõ đối tượng phạm tội* là vụ án hình sự chưa có căn cứ xác định đối tượng thực hiện hành vi phạm tội.

3. *Trọng án* là vụ án hình sự về tội phạm quy định tại các điều 93, 95, 96; tội phạm đặc biệt nghiêm trọng quy định tại các điều 104, 111, 112, 113, 114, 133, 134, 135 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009 - gọi chung là Bộ luật hình sự năm 1999).

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động điều tra trong Công an nhân dân

1. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; tôn trọng lợi ích của Nhà nước, quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

2. Tôn trọng sự thật, bảo đảm nhanh chóng, chính xác, khách quan, toàn diện; phát hiện làm rõ những chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định vô tội, tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của người có hành vi phạm tội; không để lọt tội phạm và không làm oan người vô tội.

3. Chỉ Cơ quan điều tra và cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra quy định tại Thông tư này được tiến hành điều tra các vụ án hình sự.

4. Cơ quan điều tra cấp dưới chịu sự hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ của Cơ quan điều tra cấp trên.

5. Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Thủ trưởng, Phó thủ trưởng cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải chịu trách nhiệm trước cấp trên và trước pháp luật về mọi hành vi và quyết định của mình.

6. Thẩm quyền giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố được xác định theo thẩm quyền điều tra.

Điều 5. Thẩm định vụ án hình sự

1. Thẩm định vụ án hình sự là hoạt động của Thủ trưởng Cơ quan điều tra nhằm nghiên cứu, kiểm tra về nội dung, trình tự, thủ tục, kết quả điều tra vụ án hình sự thông qua hồ sơ vụ án để đánh giá và đưa ra kết luận về tính hợp pháp, đầy đủ của các tài liệu, chứng cứ đã thu thập, tính vô tư, khách quan, chính xác của các mệnh lệnh, quyết định của người tiến hành tố tụng để đề ra các biện pháp khắc phục những sơ hở, thiếu sót trong quá trình điều tra vụ án hình sự; đồng thời, qua đó rút ra những bài học kinh nghiệm để đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác điều tra hình sự.

Việc thẩm định có thể thực hiện trong giai đoạn điều tra hoặc sau khi kết thúc điều tra vụ án hình sự.

Tài liệu thẩm định không đưa vào hồ sơ vụ án hình sự.

2. Thẩm định vụ án hình sự phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

a) Bảo đảm tính trung thực, vô tư, khách quan, toàn diện, đầy đủ, nhanh chóng, kịp thời và giữ bí mật theo quy định của pháp luật;

b) Tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

3. Thủ trưởng Cơ quan điều tra có thể quyết định thẩm định vụ án hình sự khi có một trong những căn cứ sau đây:

a) Có dấu hiệu thiếu khách quan, tiêu cực hoặc làm sai lệch hồ sơ vụ án;

b) Có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm hoặc làm oan người vô tội;

c) Có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng trình tự, thủ tục tố tụng;

d) Viện kiểm sát nhân dân từ chối phê chuẩn hoặc hủy bỏ lệnh, quyết định của Cơ quan điều tra;

đ) Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung vì để lọt tội phạm hoặc có vi phạm nghiêm trọng trình tự, thủ tục tố tụng;

e) Vụ án phải điều tra lại;

g) Những vụ án khác mà Thủ trưởng Cơ quan điều tra có thẩm quyền xét thấy cần thiết phải thẩm định.

4. Thẩm quyền quyết định việc thẩm định:

a) Thủ trưởng Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an quyết định thẩm định đối với các vụ án hình sự do các cơ quan An ninh điều tra trong Công an nhân dân tiến hành điều tra;

b) Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an quyết định thẩm định đối với các vụ án hình sự do các cơ quan Cảnh sát điều tra trong Công an nhân dân tiến hành điều tra;

c) Thủ trưởng Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là Công an cấp tỉnh) quyết định thẩm định đối với các vụ án hình sự do Cơ quan An ninh điều tra Công an cấp tỉnh tiến hành điều tra;

d) Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh quyết định thẩm định đối với các vụ án hình sự do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là Công an cấp huyện) tiến hành điều tra;

đ) Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện quyết định thẩm định đối với các vụ án hình sự do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện tiến hành điều tra.

Chương II
NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA TRONG HOẠT ĐỘNG ĐIỀU TRA HÌNH SỰ

Mục 1
CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA VÀ CÁC ĐƠN VỊ THUỘC CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA BỘ CÔNG AN

Điều 6. Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an trong hoạt động điều tra hình sự:

a) Tổ chức công tác trực ban hình sự, tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, phân loại và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết; trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an;

b) Tiến hành điều tra các vụ án hình sự về các tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp, liên quan đến nhiều địa phương hoặc có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh nhưng xét thấy cần trực tiếp điều tra;

c) Thực hiện kiểm tra, hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ điều tra và kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và công tác điều tra, xử lý tội phạm đối với các cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh, Công an cấp huyện; hướng dẫn các cơ quan khác của lực lượng Cảnh sát nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thực hiện hoạt động điều tra;

d) Kiến nghị với các ngành chủ quản, cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội áp dụng các biện pháp khắc phục nguyên nhân, điều kiện làm nảy sinh tội phạm;

đ) Tổ chức sơ kết, tổng kết công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và công tác điều tra, xử lý tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra trong Công an nhân dân;

e) Thanh tra việc chấp hành pháp luật về tố tụng hình sự trong quản lý giam, giữ tại các trại tạm giam, nhà tạm giữ (trừ các trại tạm giam thuộc Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an);

g) Giải quyết khiếu nại về quyết định, hành vi tố tụng hoặc kết luận nội dung tố cáo về hành vi vi phạm pháp luật của Điều tra viên, Phó thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

2. Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an:

a) Tổng cục trưởng Tổng cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm là Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an;

b) Một Phó tổng cục trưởng Tổng cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm là Phó thủ trưởng thường trực Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an;

c) Một Phó tổng cục trưởng Tổng cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm phụ trách Cơ quan đại diện Tổng cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm tại thành phố Hồ Chí Minh là Phó thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an;

d) Chánh Văn phòng và một Phó chánh văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an (phụ trách Cơ quan đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh) là Phó thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an;

đ) Cục trưởng các cục: Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Cảnh sát điều tra tội phạm về quản lý kinh tế và chức vụ, Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng là Phó thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an trong hoạt động điều tra hình sự

1. Tổ chức trực ban hình sự, tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, phân loại và chuyển ngay cho các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết; trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan mình thì xây dựng kế hoạch giải quyết báo cáo Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an ra quyết định phân công giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố. Trong trường hợp cấp bách, cần ngăn chặn ngay hành vi phạm tội, thu thập tài liệu, chứng cứ, bảo vệ hiện trường thì phải có biện pháp giải quyết kịp thời theo quy định của pháp luật.

2. Tiến hành điều tra các vụ án hình sự đã rõ đối tượng phạm tội về những tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp, liên quan đến nhiều địa phương hoặc có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh (trừ các tội phạm về ma túy) nhưng Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra

Bộ Công an xét thấy cần trực tiếp điều tra; các vụ án hình sự đã rõ đối tượng phạm tội quy định tại Chương XVII, các điều 224, 225, 226, 226a, 226b, 244 của Bộ luật hình sự năm 1999 thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an do các cơ quan, đơn vị khác chuyển đến.

3. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thẩm định vụ án hình sự theo phân công của Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an.

4. Theo dõi, chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan chỉ đạo giải quyết các vụ án hình sự đã rõ đối tượng phạm tội (trừ các vụ án về ma túy) do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh xin ý kiến.

5. Giúp Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an:

a) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và công tác bắt, giam giữ, điều tra, xử lý tội phạm của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an các cấp;

b) Thanh tra việc chấp hành pháp luật về tố tụng hình sự trong quản lý giam, giữ tại các trại tạm giam, nhà tạm giữ (trừ các trại tạm giam thuộc Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an);

c) Hướng dẫn các cơ quan khác của lực lượng Cảnh sát nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thực hiện hoạt động điều tra;

d) Tổ chức sơ kết, tổng kết; theo dõi, thống kê định kỳ theo tháng, ba tháng, sáu tháng, một năm công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và công tác bắt, giam giữ, điều tra, xử lý tội phạm của Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an, Cơ quan Cảnh sát điều tra trong Công an nhân dân;

đ) Giải quyết khiếu nại về quyết định, hành vi tố tụng hoặc kết luận nội dung tố cáo về hành vi vi phạm pháp luật của Điều tra viên, Phó thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

6. Theo dõi, đề xuất, trực tiếp thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp hình sự, dẫn độ thuộc chức năng, nhiệm vụ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an; phối hợp với các đơn vị có liên quan thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an thực hiện hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự.

7. Quản lý con dấu của Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an và một con dấu in sao của cơ quan đại diện Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an tại thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội trong hoạt động điều tra hình sự

1. Tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan mình thì xây dựng kế hoạch giải quyết báo cáo Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an ra quyết định phân công giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; nếu không thuộc

thẩm quyền giải quyết thì sau khi tiếp nhận chuyển ngay cho cơ quan, đơn vị điều tra có thẩm quyền kèm theo các tài liệu có liên quan (nếu có). Trong trường hợp cấp bách, cần ngăn chặn ngay hành vi phạm tội, thu thập tài liệu, chứng cứ, bảo vệ hiện trường thì phải có biện pháp giải quyết kịp thời theo quy định của pháp luật.

Định kỳ hàng tháng, báo cáo Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an (qua Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an) về công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố.

2. Tiến hành điều tra các vụ án hình sự về các tội phạm quy định tại các chương XII, XIII, XIV, XV, XIX, XX, XXII của Bộ luật hình sự năm 1999 thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an (trừ các tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ) do trực tiếp phát hiện thông qua đấu tranh chuyên án hoặc trong các chuyên án của phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh chuyển lên do gặp khó khăn trong việc phá án.

3. Phối hợp với các đơn vị liên quan thẩm định vụ án hình sự theo phân công của Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an.

4. Theo dõi, chỉ đạo giải quyết các chuyên án, vụ án hình sự chưa rõ đối tượng phạm tội do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh (phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội) xin ý kiến.

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ

1. Tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan mình thì xây dựng kế hoạch giải quyết báo cáo Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an ra quyết định phân công giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; nếu không thuộc thẩm quyền giải quyết thì sau khi tiếp nhận chuyển ngay cho cơ quan, đơn vị điều tra có thẩm quyền kèm theo các tài liệu có liên quan (nếu có). Trong trường hợp cấp bách, cần ngăn chặn ngay hành vi phạm tội, thu thập tài liệu, chứng cứ, bảo vệ hiện trường thì phải có biện pháp giải quyết kịp thời theo quy định của pháp luật.

Định kỳ hàng tháng, báo cáo Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an (qua Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an) về công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố.

2. Tiến hành điều tra các vụ án hình sự về các tội phạm quy định tại Chương XVI, Mục B Chương XXI, các điều 139, 140, 141, 142, 143, 144, 145 Chương XIV (trong trường hợp đối tượng lợi dụng tư cách pháp nhân của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ký kết hợp đồng kinh tế để phạm tội) và Điều 251 Bộ luật hình sự năm 1999 thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an do trực tiếp phát hiện thông qua đấu tranh chuyên án hoặc trong các chuyên án của phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ Công an cấp tỉnh chuyển lên do gặp khó khăn trong việc phá án.

3. Phối hợp với các đơn vị liên quan thẩm định vụ án hình sự theo phân công của Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an.

4. Theo dõi, chỉ đạo giải quyết các chuyên án, vụ án hình sự chưa rõ đối tượng phạm tội do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh (phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ) xin ý kiến.

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy trong hoạt động điều tra hình sự

1. Tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan mình thì xây dựng kế hoạch giải quyết báo cáo Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an ra quyết định phân công giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; nếu không thuộc thẩm quyền giải quyết thì sau khi tiếp nhận chuyển ngay cho cơ quan, đơn vị điều tra có thẩm quyền kèm theo các tài liệu có liên quan (nếu có). Trong trường hợp cấp bách, cần ngăn chặn ngay hành vi phạm tội, thu thập tài liệu, chứng cứ, bảo vệ hiện trường thì phải có biện pháp giải quyết kịp thời theo quy định của pháp luật.

Định kỳ hàng tháng, báo cáo Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an (qua Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an) về công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố.

2. Tiến hành điều tra các vụ án hình sự về những tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp, những vụ án liên quan đến nhiều địa phương hoặc có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh quy định tại Chương XVIII Bộ luật hình sự năm 1999 nhưng Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an xét thấy cần trực tiếp điều tra.

3. Phối hợp với các đơn vị liên quan thẩm định vụ án hình sự theo phân công của Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an.

4. Theo dõi, chỉ đạo giải quyết các chuyên án, vụ án do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh (phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy) xin ý kiến.

Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng trong hoạt động điều tra hình sự

1. Tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan mình thì xây dựng kế hoạch giải quyết báo cáo Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an ra quyết định phân công giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; nếu không thuộc thẩm quyền giải quyết thì sau khi tiếp nhận chuyển ngay cho cơ quan, đơn vị điều tra có thẩm quyền kèm theo các tài liệu có liên quan (nếu có). Trong trường hợp cấp bách, cần ngăn chặn ngay hành vi phạm tội, thu thập chứng cứ, bảo vệ hiện trường thì phải có biện pháp giải quyết kịp thời theo quy định của pháp luật.

Định kỳ hàng tháng, báo cáo Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an (qua Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an) về công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố.

2. Tiến hành điều tra các vụ án hình sự về các tội phạm quy định tại Mục A Chương XXI của Bộ luật hình sự năm 1999 do trực tiếp phát hiện; các vụ tham nhũng do Thanh tra Chính phủ và các bộ, ngành chuyển đến thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an.

Mục 2
CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA VÀ CÁC ĐƠN VỊ THUỘC CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA CÔNG AN CẤP TỈNH

Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh trong hoạt động điều tra hình sự:

a) Tổ chức công tác trực ban hình sự, tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; phân loại và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết; trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh;

b) Tiến hành điều tra các vụ án hình sự về các tội phạm quy định từ Chương XII đến Chương XXII của Bộ luật hình sự năm 1999 khi các tội phạm đó thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân cấp tỉnh (trừ các tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Cơ quan An ninh điều tra trong Công an nhân dân); các tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra cấp huyện nhưng xét thấy cần trực tiếp điều tra;

c) Thực hiện kiểm tra, hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ điều tra và kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và công tác điều tra, xử lý tội phạm đối với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện; hướng dẫn các cơ quan khác của lực lượng Cảnh sát nhân dân Công an cấp tỉnh được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thực hiện hoạt động điều tra;

d) Thanh tra việc chấp hành pháp luật về tố tụng hình sự trong quản lý giam, giữ tại các trại tạm giam, nhà tạm giữ ở Công an cấp tỉnh, Công an cấp huyện;

đ) Kiến nghị với các ngành chủ quản, cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội áp dụng các biện pháp khắc phục nguyên nhân, điều kiện làm nảy sinh tội phạm;

e) Tổ chức sơ kết, tổng kết công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và công tác điều tra, xử lý tội phạm trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan Cảnh sát điều tra thuộc Công an cấp tỉnh;

g) Giải quyết khiếu nại về quyết định, hành vi tố tụng hoặc kết luận nội dung tố cáo về hành vi vi phạm pháp luật của Điều tra viên, Phó thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

2. Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh:

a) Phó Giám đốc phụ trách hệ lực lượng Cảnh sát phòng, chống tội phạm là Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh;

b) Chánh Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra là Phó thủ trưởng thường trực Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh; một Phó chánh Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra là Phó thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh;

c) Trưởng phòng và một Phó trưởng phòng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội (phụ trách tố tụng) là Phó thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh.

Riêng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an các thành phố Hà Nội, Hải Phòng, thành phố Hồ Chí Minh bổ nhiệm Trưởng phòng và hai phó trưởng phòng (phụ trách tố tụng và trọng án) là Phó thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh;

d) Trưởng phòng các phòng: Cảnh sát điều tra tội phạm về quản lý kinh tế và chức vụ, Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy là Phó thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh.

Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh trong hoạt động điều tra hình sự

1. Tổ chức trực ban hình sự, tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, phân loại và chuyển ngay cho các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết; trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan mình thì xây dựng kế hoạch giải quyết báo cáo Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh ra quyết định phân công giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố. Trong trường hợp cấp bách, cần ngăn chặn ngay hành vi phạm tội, thu thập tài liệu, chứng cứ, bảo vệ hiện trường thì phải có biện pháp giải quyết kịp thời theo quy định của pháp luật.

2. Tiến hành điều tra các vụ án hình sự đã rõ đối tượng phạm tội thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh do tự phát hiện và do các cơ quan, đơn vị khác chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh (trừ các tội phạm về ma túy và các vụ trọng án); các tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện (đội Điều tra tổng hợp) nhưng Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh xét thấy cần trực tiếp điều tra.

3. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thẩm định vụ án hình sự thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh, Công an cấp huyện theo phân công của Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh.

4. Theo dõi, chỉ đạo giải quyết các vụ án hình sự đã rõ đối tượng phạm tội (trừ các tội phạm về ma túy) do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện xin ý kiến.

5. Giúp Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh:

a) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và công tác bắt, giam giữ, điều tra, xử lý tội phạm của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh, Công an cấp huyện;

b) Thanh tra việc chấp hành pháp luật về tố tụng hình sự trong quản lý giam, giữ tại các trại tạm giam, nhà tạm giữ thuộc Công an cấp tỉnh, Công an cấp huyện;

c) Hướng dẫn các cơ quan khác của lực lượng Cảnh sát nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thực hiện hoạt động điều tra;

d) Tổ chức sơ kết, tổng kết; theo dõi, thống kê định kỳ theo tháng, ba tháng, sáu tháng, một năm công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và công tác bắt, giam giữ, điều tra, xử lý tội phạm của lực lượng Cảnh sát nhân dân thuộc Công an cấp tỉnh, báo cáo Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an (qua Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an);

đ) Giải quyết khiếu nại về quyết định, hành vi tố tụng hoặc kết luận nội dung tố cáo về hành vi vi phạm pháp luật của Điều tra viên, Phó thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

6. Quản lý con dấu của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh.

Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội trong hoạt động điều tra hình sự

1. Tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố. Trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan mình thì xây dựng kế hoạch giải quyết báo cáo Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh ra quyết định phân công giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; nếu không thuộc thẩm quyền giải quyết thì sau khi tiếp nhận chuyển ngay cho cơ quan, đơn vị điều tra có thẩm quyền kèm theo các tài liệu có liên quan (nếu có). Trong trường hợp cấp bách, cần ngăn chặn ngay hành vi phạm tội, thu thập tài liệu, chứng cứ, bảo vệ hiện trường thì phải có biện pháp giải quyết kịp thời theo quy định của pháp luật.

Định kỳ hàng tháng, báo cáo Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh (qua Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh) về công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố.

2. Tiến hành điều tra các vụ trọng án; các vụ án hình sự chưa rõ đối tượng phạm tội và các vụ án hình sự đã rõ đối tượng phạm tội do tự phát hiện về các tội phạm quy định tại các chương XII, XIII, XIV, XV, XIX, XX, XXII của Bộ luật hình sự năm 1999 khi các tội phạm đó thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân cấp tỉnh (trừ các tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, cơ quan An ninh điều tra trong Công an nhân dân,

phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ); các tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện (đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội) nhưng Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh xét thấy cần trực tiếp điều tra.

3. Phối hợp với các đơn vị liên quan thẩm định vụ án hình sự theo phân công của Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh.

4. Theo dõi, chỉ đạo giải quyết các chuyên án, vụ án chưa rõ đối tượng phạm tội do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện (đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội) xin ý kiến.

Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ trong hoạt động điều tra hình sự

1. Tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố. Trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan mình thì xây dựng kế hoạch giải quyết báo cáo Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh ra quyết định phân công giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; nếu không thuộc thẩm quyền giải quyết thì sau khi tiếp nhận chuyển ngay cho cơ quan, đơn vị điều tra có thẩm quyền kèm theo các tài liệu có liên quan (nếu có). Trong trường hợp cấp bách, cần ngăn chặn ngay hành vi phạm tội, thu thập tài liệu, chứng cứ, bảo vệ hiện trường thì phải có biện pháp giải quyết kịp thời theo quy định của pháp luật.

Định kỳ hàng tháng, báo cáo Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh (qua Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh) về công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố.

2. Tiến hành điều tra các vụ án hình sự chưa rõ đối tượng phạm tội và các vụ án hình sự đã rõ đối tượng phạm tội do tự phát hiện về các tội phạm quy định tại Chương XVI, Chương XXI, các điều 139, 140, 141, 142, 143, 144, 145 Chương XIV (trong trường hợp đối tượng phạm tội lợi dụng tư cách pháp nhân của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp lợi dụng việc ký kết hợp đồng kinh tế để phạm tội) của Bộ luật hình sự năm 1999 khi các tội phạm đó thuộc thẩm quyền xét xử của Toà án nhân dân cấp tỉnh; các tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện (đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ) nhưng Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh xét thấy cần trực tiếp điều tra.

3. Phối hợp với các đơn vị liên quan thẩm định vụ án hình sự theo phân công của Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh.

4. Theo dõi, chỉ đạo giải quyết các chuyên án, vụ án chưa rõ đối tượng phạm tội do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện (đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ) xin ý kiến.

Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn của phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy trong hoạt động điều tra hình sự

1. Tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố. Trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan mình thì xây dựng kế hoạch giải quyết báo cáo Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh ra quyết định phân công giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; nếu không thuộc thẩm quyền giải quyết thì sau khi tiếp nhận chuyển ngay cho cơ quan, đơn vị điều tra có thẩm quyền kèm theo các tài liệu có liên quan (nếu có). Trong trường hợp cấp bách, cần ngăn chặn ngay hành vi phạm tội, thu thập tài liệu, chứng cứ, bảo vệ hiện trường thì phải có biện pháp giải quyết kịp thời theo quy định của pháp luật.

Định kỳ hàng tháng, báo cáo Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh (qua Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh) về công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố.

2. Tiến hành điều tra các vụ án hình sự về các tội phạm quy định tại Chương XVIII của Bộ luật hình sự năm 1999 khi các tội phạm đó thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân cấp tỉnh; các tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện (đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy) nhưng Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh xét thấy cần trực tiếp điều tra.

3. Phối hợp với các đơn vị liên quan thẩm định vụ án hình sự theo phân công của Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh.

4. Theo dõi, chỉ đạo giải quyết các chuyên án, vụ án do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện (đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy) xin ý kiến.

Mục 3
CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA VÀ CÁC ĐƠN VỊ THUỘC CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA CÔNG AN CẤP HUYỆN

Điều 17. Nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện trong hoạt động điều tra hình sự:

a) Tổ chức công tác trực ban hình sự, tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; phân loại và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết; trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện;

b) Tiến hành điều tra các vụ án hình sự về các tội phạm quy định tại các chương từ Chương XII đến Chương XXII của Bộ luật hình sự năm 1999 khi các

tội phạm đó thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân cấp huyện (trừ các tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Cơ quan An ninh điều tra trong Công an nhân dân);

c) Kiến nghị với các ngành chủ quản, cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội áp dụng các biện pháp khắc phục nguyên nhân, điều kiện làm nảy sinh tội phạm;

d) Kiểm tra, hướng dẫn Công an cấp xã, đồn, trạm Công an thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận, phân loại tố giác, tin báo về tội phạm;

đ) Thanh tra việc chấp hành pháp luật về tố tụng hình sự trong quản lý giam, giữ tại Nhà tạm giữ thuộc Công an cấp huyện;

e) Tổ chức sơ kết, tổng kết công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và công tác điều tra, xử lý tội phạm của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện;

g) Giải quyết khiếu nại về quyết định, hành vi tố tụng hoặc kết luận nội dung tố cáo về hành vi vi phạm pháp luật của Điều tra viên, Phó thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

2. Tổ chức Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện:

Giám đốc Công an cấp tỉnh căn cứ tình hình tội phạm, cơ sở vật chất, số lượng cán bộ, số lượng điều tra viên của địa phương, đề xuất Bộ trưởng Bộ Công an (qua Tổng cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm, Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân) xem xét, quyết định tổ chức bộ máy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện cho phù hợp. Việc tổ chức Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

a) Mỗi đội điều tra thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện tối thiểu phải có 03 (ba) điều tra viên. Khi chưa đủ 03 (ba) điều tra viên thì chưa thành lập đội mới;

b) Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện chỉ tổ chức 01 (một) đội điều tra thì lấy tên chung là đội Cảnh sát điều tra. Đội này thực hiện nhiệm vụ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện, trong đó có một tổ chuyên trách thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đội Điều tra tổng hợp;

c) Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện tổ chức 02 (hai) đội điều tra thì thành lập đội Điều tra tổng hợp; sáp nhập đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ, đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy và lấy tên gọi là đội Cảnh sát điều tra tội phạm về hình sự, kinh tế và ma túy;

d) Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện tổ chức 03 (ba) đội điều tra thì thành lập đội Điều tra tổng hợp, đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, sáp nhập đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ, đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy và lấy tên gọi là đội Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế và ma túy;

đ) Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện tổ chức 04 (bốn) đội điều tra thì thành lập đội Điều tra tổng hợp, đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ, đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy.

3. Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện:

a) Trưởng Công an cấp huyện là Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện;

b) Một Phó trưởng Công an cấp huyện phụ trách hệ lực lượng Cảnh sát phòng, chống tội phạm là Phó thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện. Đối với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an các quận, huyện, thành phố thuộc tỉnh hàng năm thụ lý điều tra trên 200 (hai trăm) vụ án thì có thể bố trí 02 (hai) Phó thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện.

Điều 18. Nhiệm vụ, quyền hạn của đội Điều tra tổng hợp trong hoạt động điều tra hình sự

1. Tổ chức trực ban hình sự, tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; phân loại và chuyển ngay cho cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết; trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan mình thì xây dựng kế hoạch giải quyết báo cáo Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện ra quyết định phân công giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố. Trong trường hợp cấp bách, cần ngăn chặn ngay hành vi phạm tội, thu thập tài liệu, chứng cứ, bảo vệ hiện trường thì phải có biện pháp giải quyết kịp thời theo quy định của pháp luật.

2. Tiến hành điều tra các vụ án hình sự đã rõ đối tượng phạm tội thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện (trừ các tội phạm về ma túy) do tự phát hiện và do các cơ quan, đơn vị khác chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện.

3. Chủ trì, phối hợp với đơn vị có liên quan thẩm định vụ án hình sự theo phân công của Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện.

4. Giúp Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện:

a) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và công tác bắt, giam giữ, điều tra, xử lý tội phạm của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện;

b) Thanh tra việc chấp hành pháp luật về tố tụng hình sự trong quản lý giam, giữ tại Nhà tạm giữ ở Công an cấp huyện;

c) Kiểm tra, hướng dẫn Công an cấp xã, đồn, trạm Công an thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận, phân loại tố giác, tin báo về tội phạm;

d) Tổ chức sơ kết, tổng kết; theo dõi, thống kê định kỳ theo tuần, tháng, ba tháng, sáu tháng, một năm công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội

phạm, kiến nghị khởi tố và công tác bắt, giam giữ, điều tra, xử lý tội phạm của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện, báo cáo Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh (qua Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh).

đ) Giải quyết khiếu nại về quyết định, hành vi tố tụng hoặc kết luận nội dung tố cáo hành vi về vi phạm pháp luật của Điều tra viên, Phó thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự;

5. Quản lý con dấu của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện.

Điều 19. Nhiệm vụ, quyền hạn của đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội trong hoạt động điều tra hình sự

1. Tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố. Trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan mình thì xây dựng kế hoạch giải quyết báo cáo Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện ra quyết định phân công giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; nếu không thuộc thẩm quyền giải quyết thì sau khi tiếp nhận chuyển ngay cho cơ quan, đơn vị điều tra có thẩm quyền kèm theo các tài liệu có liên quan (nếu có). Trong trường hợp cấp bách, cần ngăn chặn ngay hành vi phạm tội, thu thập tài liệu, chứng cứ, bảo vệ hiện trường thì phải có biện pháp giải quyết kịp thời theo quy định của pháp luật.

Định kỳ hàng tuần, báo cáo Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện (qua đội Điều tra tổng hợp) về công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố.

2. Tiến hành điều tra các vụ án hình sự chưa rõ đối tượng phạm tội và các vụ án hình sự đã rõ đối tượng phạm tội do tự phát hiện về các tội phạm quy định tại các chương XII, XIII, XIV, XV, XIX, XX, XXII của Bộ luật hình sự năm 1999 khi các tội phạm đó thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân cấp huyện (trừ các tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Cơ quan An ninh điều tra trong Công an nhân dân, đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ Công an cấp huyện).

3. Phối hợp với đội Điều tra tổng hợp thẩm định vụ án hình sự theo phân công của Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện.

Điều 20. Nhiệm vụ, quyền hạn của đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ trong hoạt động điều tra hình sự

1. Tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố. Trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan mình thì xây dựng kế hoạch giải quyết báo cáo Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện ra quyết định phân công giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; nếu không thuộc thẩm quyền giải quyết thì sau khi tiếp nhận chuyển ngay cho cơ quan, đơn vị điều tra có thẩm quyền kèm theo các tài liệu có liên quan (nếu có). Trong trường

hợp cấp bách, cần ngăn chặn ngay hành vi phạm tội, thu thập chứng cứ, bảo vệ hiện trường thì phải có biện pháp giải quyết kịp thời theo quy định của pháp luật.

Định kỳ hàng tuần, báo cáo Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện (qua đội Điều tra tổng hợp) về công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố.

2. Tiến hành điều tra các vụ án hình sự chưa rõ đối tượng phạm tội và các vụ án hình sự đã rõ đối tượng phạm tội do tự phát hiện về các tội phạm quy định tại Chương XVI, Chương XXI, các điều 139, 140, 141, 142, 143, 144, 145 Chương XIV (trong trường hợp đối tượng phạm tội lợi dụng tư cách pháp nhân của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, lợi dụng việc ký kết hợp đồng kinh tế để phạm tội) của Bộ luật hình sự năm 1999 khi các tội phạm đó thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân cấp huyện.

3. Phối hợp với đội Điều tra tổng hợp thẩm định vụ án hình sự theo phân công của Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện.

Điều 21. Nhiệm vụ, quyền hạn của đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy trong hoạt động điều tra hình sự

1. Tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố. Trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan mình thì xây dựng kế hoạch giải quyết báo cáo Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện ra quyết định phân công giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; nếu không thuộc thẩm quyền giải quyết thì sau khi tiếp nhận chuyển ngay cho cơ quan, đơn vị điều tra có thẩm quyền kèm theo các tài liệu có liên quan (nếu có). Trong trường hợp cấp bách, cần ngăn chặn ngay hành vi phạm tội, thu thập tài liệu, chứng cứ, bảo vệ hiện trường thì phải có biện pháp giải quyết kịp thời theo quy định của pháp luật.

Định kỳ hàng tuần, báo cáo Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện (qua đội Điều tra tổng hợp) về công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố.

2. Tiến hành điều tra các vụ án hình sự về các tội phạm quy định tại Chương XVIII của Bộ luật hình sự năm 1999 khi các tội phạm đó thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân cấp huyện.

3. Phối hợp với đội Điều tra tổng hợp thẩm định vụ án hình sự theo phân công của Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện.

Chương III
NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CƠ QUAN AN NINH ĐIỀU TRA TRONG HOẠT ĐỘNG ĐIỀU TRA HÌNH SỰ

Điều 22. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an trong hoạt động điều tra hình sự:

a) Tổ chức công tác trực ban hình sự, tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; phân loại và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết; trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an;

b) Tiến hành điều tra vụ án về các tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp, liên quan đến nhiều địa phương hoặc có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan An ninh điều tra Công an cấp tỉnh nhưng xét thấy cần trực tiếp điều tra;

c) Kiểm tra, hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ điều tra và kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong hoạt động điều tra, xử lý tội phạm của Cơ quan An ninh điều tra Công an cấp tỉnh; hướng dẫn các cơ quan khác của lực lượng An ninh trong Công an nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thực hiện hoạt động điều tra;

d) Kiến nghị với các ngành chủ quản, cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội áp dụng các biện pháp khắc phục nguyên nhân, điều kiện làm nảy sinh tội phạm;

đ) Tổ chức sơ kết, tổng kết công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và công tác điều tra, xử lý tội phạm trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan An ninh điều tra trong Công an nhân dân;

e) Giải quyết khiếu nại về quyết định, hành vi tố tụng hoặc kết luận nội dung tố cáo về hành vi vi phạm pháp luật của Điều tra viên, Phó thủ trưởng Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự;

2. Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an:

a) Phó tổng cục trưởng Tổng cục An ninh II phụ trách Cục An ninh điều tra là Thủ trưởng Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an;

b) Cục trưởng Cục An ninh điều tra là Phó thủ trưởng thường trực Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an; các Phó cục trưởng Cục An ninh điều tra là Phó thủ trưởng Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an.

Điều 23. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan An ninh điều tra Công an cấp tỉnh

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan An ninh điều tra Công an cấp tỉnh trong hoạt động điều tra hình sự:

a) Tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, phân loại và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết; trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan An ninh điều tra Công an cấp tỉnh;

b) Tiến hành điều tra các vụ án hình sự về các tội phạm quy định tại Chương XI, Chương XXIV và các tội phạm quy định tại các điều 180, 181, 221, 222, 223, 230, 230a, 230b, 231, 232, 236, 263, 264, 274 và 275 của Bộ luật hình sự năm 1999 khi các tội phạm đó thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân cấp tỉnh;

c) Kiến nghị với các ngành chủ quản, cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội áp dụng các biện pháp khắc phục nguyên nhân, điều kiện làm nảy sinh tội phạm;

d) Tổ chức sơ kết, tổng kết; theo dõi, thống kê định kỳ theo tháng, ba tháng, sáu tháng, một năm công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và công tác điều tra, xử lý tội phạm của lực lượng An ninh nhân dân thuộc Công an cấp tỉnh, báo cáo Thủ trưởng Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an (qua Cục An ninh điều tra);

đ) Giải quyết khiếu nại về quyết định, hành vi tố tụng hoặc kết luận nội dung tố cáo về hành vi vi phạm pháp luật của Điều tra viên, Phó thủ trưởng Cơ quan An ninh điều tra Công an cấp tỉnh theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

2. Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Cơ quan An ninh điều tra Công an cấp tỉnh:

a) Phó Giám đốc Công an cấp tỉnh phụ trách công tác An ninh là Thủ trưởng Cơ quan An ninh điều tra Công an cấp tỉnh;

b) Trưởng phòng An ninh điều tra Công an cấp tỉnh là Phó thủ trưởng thường trực Cơ quan An ninh điều tra Công an cấp tỉnh; một Phó trưởng phòng An ninh điều tra (phụ trách công tác điều tra hình sự) là Phó thủ trưởng Cơ quan An ninh điều tra Công an cấp tỉnh.

Chương IV
NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CÁC CƠ QUAN KHÁC CỦA CÔNG AN NHÂN DÂN ĐƯỢC GIAO NHIỆM VỤ TIẾN HÀNH MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG ĐIỀU TRA

Điều 24. Tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm

Các cơ quan khác của Công an nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có trách nhiệm tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm. Sau khi tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm (kể cả khi tự phát hiện hành vi, sự việc có dấu hiệu của tội phạm) có trách nhiệm chuyển ngay các tố giác, tin báo về tội phạm kèm theo các tài liệu có liên quan đã tiếp nhận cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền để giải quyết. Trường hợp khi thực hiện nhiệm vụ thuộc lĩnh vực quản lý phát hiện hoặc tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm đã rõ dấu hiệu tội phạm, thuộc thẩm quyền điều tra của cơ quan mình thì chỉ cần báo ngay bằng văn bản cho Cơ quan điều tra cùng cấp (không phải gửi các tài liệu có liên quan kèm theo) và quyết định khởi tố vụ án hình sự theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Điều 25. Quyền hạn điều tra của các cơ quan khác của lực lượng Cảnh sát nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra

1. Cục Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt, phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt hoặc phòng Cảnh sát giao thông (đối với các tỉnh không thành lập phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt) trong khi làm nhiệm

vụ mà phát hiện sự việc có dấu hiệu tội phạm quy định tại các điều 202, 203, 204, 205, 206, 207, 208, 209, 210 và 211 của Bộ luật hình sự năm 1999 thì Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt, Trưởng phòng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt (hoặc Trưởng phòng phòng Cảnh sát giao thông) ra quyết định khởi tố vụ án, lấy lời khai, khám nghiệm hiện trường, khám xét, thu giữ, tạm giữ và bảo quản vật chứng, tài liệu liên quan trực tiếp đến vụ án, chuyển hồ sơ vụ án cho Cơ quan Cảnh sát điều tra có thẩm quyền trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án.

2. Cục Cảnh sát đường thủy, phòng Cảnh sát đường thủy hoặc phòng Cảnh sát giao thông (đối với các tỉnh không thành lập phòng Cảnh sát đường thủy) trong khi làm nhiệm vụ mà phát hiện sự việc xảy ra trên đường thủy có dấu hiệu tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra thì Cục trưởng Cục Cảnh sát đường thủy, Trưởng phòng phòng Cảnh sát đường thủy (hoặc Trưởng phòng phòng Cảnh sát giao thông) ra quyết định khởi tố vụ án, lấy lời khai, khám nghiệm hiện trường, khám xét, thu giữ, tạm giữ và bảo quản vật chứng, tài liệu liên quan trực tiếp đến vụ án, chuyển hồ sơ vụ án cho Cơ quan Cảnh sát điều tra có thẩm quyền trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án.

3. Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trong khi làm nhiệm vụ mà phát hiện sự việc có dấu hiệu tội phạm quy định tại các điều 232, 234, 238, 239 và 240 của Bộ luật hình sự năm 1999 thì Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Trưởng phòng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có quyền quyết định khởi tố vụ án, lấy lời khai, khám nghiệm hiện trường, khám xét, thu giữ, tạm giữ và bảo quản vật chứng, tài liệu liên quan trực tiếp đến vụ án, chuyển hồ sơ vụ án cho Cơ quan Cảnh sát điều tra có thẩm quyền trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án.

4. Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội trong khi làm nhiệm vụ mà phát hiện sự việc có dấu hiệu tội phạm quy định tại các điều 230, 232, 233, 234, 235, 240, 245, 257, 266, 267, 268 và 273 của Bộ luật hình sự năm 1999 thì Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội ra quyết định khởi tố vụ án, lấy lời khai, khám nghiệm hiện trường, khám xét, thu giữ, tạm giữ và bảo quản vật chứng, tài liệu liên quan trực tiếp đến vụ án, chuyển hồ sơ vụ án cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án.

5. Cục Cảnh sát bảo vệ, phòng Cảnh sát bảo vệ trong khi làm nhiệm vụ mà phát hiện sự việc có dấu hiệu tội phạm quy định tại các điều 245, 257, 305, 306, 311, và 312 của Bộ luật hình sự năm 1999 thì Cục trưởng Cục Cảnh sát bảo vệ, Trưởng phòng phòng Cảnh sát bảo vệ ra quyết định khởi tố vụ án, lấy lời khai, khám nghiệm hiện trường, khám xét, thu giữ, tạm giữ và bảo quản vật chứng, tài

liệu liên quan trực tiếp đến vụ án, chuyển hồ sơ vụ án cho Cơ quan Cảnh sát điều tra có thẩm quyền trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án.

6. Trại tạm giam, Trại giam trong khi làm nhiệm vụ mà phát hiện tội phạm liên quan đến công tác quản lý giam giữ hoặc phát hiện người đang bị tạm giam, tạm giữ, thi hành án phạt tù có hành vi phạm tội thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra trong Công an nhân dân thì Giám thị Trại tạm giam, Giám thị Trại giam ra quyết định khởi tố vụ án, lấy lời khai, khám nghiệm hiện trường, khám xét, thu giữ, tạm giữ và bảo quản vật chứng, tài liệu liên quan trực tiếp đến vụ án, chuyển hồ sơ vụ án cho Cơ quan Cảnh sát điều tra có thẩm quyền trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án. Trường hợp phạm nhân đang chấp hành án phạt tù ở trại giam bỏ trốn thì Giám thị Trại giam ra quyết định truy nã.

7. Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường trong khi làm nhiệm vụ mà phát hiện sự việc có dấu hiệu tội phạm quy định tại Chương XVII và Điều 244 của Bộ luật hình sự năm 1999 thì Cục trưởng Cục Cảnh sát môi trường, Trưởng phòng phòng Cảnh sát môi trường ra quyết định khởi tố vụ án, lấy lời khai, khám nghiệm hiện trường, khám xét, thu giữ, tạm giữ và bảo quản vật chứng, tài liệu liên quan trực tiếp đến vụ án, chuyển hồ sơ vụ án cho Cơ quan Cảnh sát điều tra có thẩm quyền trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án.

8. Trường hợp các cơ quan khác của lực lượng Cảnh sát trong Công an nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phát hiện hành vi có dấu hiệu tội phạm cần phải áp dụng biện pháp ngăn chặn hoặc vụ việc xảy ra gần Cơ quan điều tra có thẩm quyền thì phải báo ngay cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền để xem xét quyết định việc khởi tố, điều tra.

Điều 26. Quyền hạn điều tra của các cơ quan khác của lực lượng An ninh nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra

Các cục An ninh, các phòng An ninh thuộc Công an cấp tỉnh trực tiếp đấu tranh phòng, chống các tội phạm quy định tại Chương XI, Chương XXIV và các tội phạm quy định tại các điều 180, 181, 221, 222, 223, 230, 230a, 230b, 231, 232, 236, 263, 264, 274 và 275 của Bộ luật hình sự năm 1999, trong khi làm nhiệm vụ của mình mà phát hiện sự việc có dấu hiệu tội phạm thì Cục trưởng, Trưởng phòng các phòng An ninh thuộc Công an cấp tỉnh ra quyết định khởi tố vụ án, lấy lời khai, khám nghiệm hiện trường, khám xét, thu giữ, tạm giữ và bảo quản vật chứng, tài liệu liên quan trực tiếp đến vụ án; khi xét thấy cần ngăn chặn ngay người có hành vi phạm tội chạy trốn, tiêu huỷ chứng cứ hoặc tiếp tục thực hiện tội phạm thì giải ngay người đó đến cơ quan Công an và xin ngay lệnh bắt khẩn cấp của cơ quan có thẩm quyền; trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án phải chuyển hồ sơ vụ án cho Cơ quan An ninh điều tra có thẩm quyền.

Đội An ninh ở Công an cấp huyện trong khi làm nhiệm vụ của mình mà phát hiện sự việc có dấu hiệu tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan An ninh điều tra Công an cấp tỉnh thì tiến hành ngay việc truy bắt người có hành vi phạm tội chạy trốn, lấy lời khai, thu giữ, tạm giữ và bảo quản vật chứng, tài liệu liên quan trực tiếp đến vụ án và báo ngay cho Cơ quan An ninh điều tra cấp tỉnh.

Chương V
TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG AN CẤP XÃ, ĐỒN, TRẠM CÔNG AN TRONG TIẾP NHẬN, PHÂN LOẠI TỐ GIÁC, TIN BÁO VỀ TỘI PHẠM

Điều 27. Trách nhiệm trong tiếp nhận, phân loại tố giác, tin báo về tội phạm

1. Công an cấp xã, đồn, trạm Công an có trách nhiệm tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, Thông tư liên tịch số 06/2013/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC ngày 02/8/2013 của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố.

2. Khi tiếp nhận thông tin liên quan đến tội phạm (kể cả trường hợp tự phát hiện trong khi làm nhiệm vụ), Công an cấp xã, đồn, trạm Công an có trách nhiệm xác minh sơ bộ ban đầu để phân loại. Nếu xác định thông tin đó là tố giác, tin báo về tội phạm thì chuyển ngay tố giác, tin báo về tội phạm đó kèm theo các tài liệu có liên quan cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền để giải quyết; trường hợp xác định thông tin đó không phải là tố giác, tin báo về tội phạm thì xử lý theo quy định khác của pháp luật.

Điều 28. Trách nhiệm của Công an cấp xã, đồn, trạm Công an trong giải quyết một số trường hợp cụ thể

1. Trường hợp tiếp nhận người phạm tội quả tang do nhân dân giải đến thì tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, cử người vẽ sơ đồ hoặc bảo vệ hiện trường, lấy lời khai, thu giữ, tạm giữ và bảo quản vật chứng, tài liệu có liên quan trực tiếp đến việc giải quyết; đồng thời, báo ngay cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện.

Trường hợp tiếp nhận người đang bị truy nã do nhân dân bắt, giải đến thì tiến hành lập biên bản bắt người đang bị truy nã, lấy lời khai; đồng thời, báo ngay cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện.

Trường hợp tiếp nhận đối tượng phạm tội do nhân dân giải đến, không thuộc trường hợp bắt người phạm tội quả tang, người đang bị truy nã thì tiến hành lập biên bản vụ việc, cử người vẽ sơ đồ hoặc bảo vệ hiện trường, lấy lời khai, thu giữ, tạm giữ và bảo quản vật chứng, tài liệu có liên quan trực tiếp đến việc giải quyết; đồng thời, báo ngay cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện.

2. Trường hợp tiếp nhận tố giác, tin báo về hành vi phạm tội đang diễn ra trên địa bàn thì phải kịp thời tổ chức lực lượng đến ngay hiện trường, khi xét thấy cần ngăn chặn ngay người có hành vi phạm tội bỏ trốn, tiêu hủy chứng cứ hoặc tiếp tục thực hiện tội phạm thì giải ngay người đó về trụ sở cơ quan, vẽ sơ đồ hoặc bảo vệ hiện trường, lập biên bản, lấy lời khai, thu giữ, tạm giữ và bảo quản vật chứng có liên quan trực tiếp đến việc giải quyết; đồng thời, báo ngay cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện.

Trường hợp khi đến hiện trường, người phạm tội bỏ trốn thì tiến hành ngay việc truy xét, lấy lời khai, thu giữ, tạm giữ và bảo quản vật chứng, tài liệu có liên quan trực tiếp đến việc giải quyết; đồng thời, báo ngay cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện.

3. Trường hợp người bị hại hoặc người thân thích của họ trực tiếp đến Công an cấp xã, đồn, trạm Công an để trình báo về việc mình hoặc người thân thích bị xâm hại (xảy ra trên địa bàn Công an cấp xã, đồn, trạm Công an quản lý) thì hướng dẫn họ làm đơn trình báo, lập biên bản tiếp nhận đơn trình báo, tiến hành ngay hoạt động kiểm tra, xác minh ban đầu, nếu xác định đó là tố giác về tội phạm thì chuyển ngay tố giác về tội phạm cùng các tài liệu có liên quan cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện.

Chương VI
HOẠT ĐỘNG ĐIỀU TRA HÌNH SỰ CỦA THỦ TRƯỞNG, PHÓ THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐIỀU TRA, ĐIỀU TRA VIÊN, CÁN BỘ ĐIỀU TRA TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

Mục 1
NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA THỦ TRƯỞNG, PHÓ THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐIỀU TRA, ĐIỀU TRA VIÊN, CÁN BỘ ĐIỀU TRA

Điều 29. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên, cán bộ điều tra

1. Trong hoạt động điều tra hình sự, Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên, cán bộ điều tra phải thực hiện đúng, đầy đủ các văn bản chỉ đạo của Đảng, quy định của pháp luật và của Bộ Công an có liên quan đến công tác điều tra hình sự; thường xuyên nghiên cứu, học tập để nâng cao trình độ chính trị, pháp luật, ngoại ngữ, năng lực nghiệp vụ điều tra, kiến thức chuyên môn cần thiết về các lĩnh vực liên quan đến công tác điều tra, xử lý tội phạm.

2. Điều tra viên, cán bộ điều tra phải thực hiện đúng, đầy đủ các chỉ thị, mệnh lệnh, quyết định của Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra được phân công trực tiếp chỉ đạo điều tra vụ án. Cán bộ điều tra giúp việc cho Điều tra viên trong thực hiện các hoạt động điều tra.

3. Khi được Thủ trưởng Cơ quan điều tra phân công điều tra vụ án hình sự, Điều tra viên phải áp dụng mọi biện pháp hợp pháp để xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ, làm rõ những chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định không có tội, những tình tiết tăng nặng và những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can. Nghiên cứu, đề xuất Thủ trưởng Cơ quan điều tra sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm kết quả tổ chức điều tra vụ án hình sự.

4. Điều tra viên phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra về những hành vi và quyết định của mình. Cán bộ điều tra phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra về hành vi của mình.

Điều 30. Trách nhiệm giữ bí mật tin tức, tài liệu điều tra của Điều tra viên, cán bộ điều tra

1. Giữ bí mật điều tra vụ án theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc để lọt, lộ thông tin thuộc bí mật điều tra vụ án.

2. Chỉ được cung cấp tài liệu, tin tức và trả lời các cơ quan thông tin đại chúng, các cơ quan khác có liên quan về những nội dung vụ án do mình tiến hành điều tra khi được Thủ trưởng hoặc Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra đồng ý bằng văn bản.

3. Các tin tức, tài liệu phát hiện, thu thập được bằng các biện pháp nghiệp vụ phải quản lý theo chế độ tài liệu mật.

4. Điều tra viên phải phân loại độ mật của tài liệu trong hồ sơ vụ án và quản lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước. Nếu bắt buộc phải sử dụng các tài liệu có đóng dấu độ mật để phục vụ cho hoạt động tố tụng hình sự thì phải làm các thủ tục báo cáo lãnh đạo cấp có thẩm quyền ra quyết định giải mật theo quy định của pháp luật.

5. Điều tra viên phải thông báo và yêu cầu những người tham gia tố tụng, người chứng kiến không được tiết lộ bí mật điều tra và phải được ghi vào biên bản hoạt động điều tra.

Điều 31. Những việc Điều tra viên, cán bộ điều tra không được làm

1. Điều tra viên, cán bộ điều tra không được làm những việc được quy định tại Điều 33 Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004.

2. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Điều tra viên, cán bộ điều tra phải chấp hành nghiêm chỉnh những quy định sau:

a) Không được tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và đơn, thư khiếu nại, tố cáo trái quy định hoặc không được Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra phân công;

b) Không được tiếp thân nhân (gồm ông bà nội, ngoại, bố mẹ đẻ, bố mẹ nuôi, bố mẹ bên vợ hoặc chồng, anh chị em ruột, anh chị em ruột bên vợ hoặc bên chồng,

con đẻ, con nuôi) của bị can, người bị tạm giữ hoặc những người khác có liên quan ở bất cứ địa điểm nào, trừ trường hợp do yêu cầu nghiệp vụ thì phải được sự đồng ý của Thủ trưởng hoặc Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra;

c) Trường hợp bị can hoặc thân nhân, bạn của bị can, người bị tạm giữ tự động đến nhà của Điều tra viên, cán bộ điều tra hoặc gặp gỡ Điều tra viên, cán bộ điều tra ở ngoài trụ sở cơ quan Công an thì Điều tra viên, cán bộ điều tra phải giải thích và yêu cầu họ đến trụ sở cơ quan Công an để làm việc; đồng thời, phải báo cáo ngay cho Thủ trưởng hoặc Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra biết;

d) Không được ăn uống, nhận quà, tiền hoặc lợi ích khác của bị can hoặc thân nhân, bạn của bị can, người bị tạm giữ hoặc người có liên quan đến vụ án. Nếu thân nhân, bạn của bị can, người bị tạm giữ và người có liên quan đến vụ án cố tình biếu, cho, tặng quà, tiền hoặc các lợi ích khác, Điều tra viên, cán bộ điều tra phải từ chối và báo cáo ngay việc này cho Thủ trưởng hoặc Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra biết để chỉ đạo xử lý;

đ) Không được nhờ, sách nhiễu hoặc cầu lợi dưới bất kỳ hình thức nào đối với bị can, người bị tạm giữ, thân nhân của họ và cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan;

e) Nghiêm cấm bức cung, mớm cung hoặc dùng nhục hình dưới bất kỳ hình thức nào;

g) Không được cho người đang bị tạm giữ, tạm giam sử dụng điện thoại hoặc các phương tiện thông tin khác để liên lạc, trao đổi thông tin với người khác (kể cả trong và ngoài khu vực Trại tạm giam, Nhà tạm giữ), trừ trường hợp đặc biệt để phục vụ yêu cầu điều tra vụ án thì phải được sự đồng ý của Thủ trưởng Cơ quan điều tra hoặc Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra.

Mục 2
TRÁCH NHIỆM CỦA ĐIỀU TRA VIÊN TRONG GIẢI QUYẾT TỐ GIÁC, TIN BÁO VỀ TỘI PHẠM, KIẾN NGHỊ KHỞI TỐ VÀ ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ

Điều 32. Xây dựng và thực hiện kế hoạch

1. Khi được phân công tiến hành kiểm tra, xác minh tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và điều tra vụ án hình sự, Điều tra viên (thụ lý chính) có trách nhiệm xây dựng và thực hiện theo kế hoạch đã được Thủ trưởng hoặc Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra phê duyệt. Điều tra viên phải thường xuyên báo cáo về tiến độ, kết quả giải quyết với Thủ trưởng hoặc Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra.

2. Trong quá trình thực hiện kế hoạch, nếu phát sinh vấn đề mới ngoài kế hoạch, Điều tra viên phải báo cáo bằng văn bản với Thủ trưởng hoặc Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra để xin ý kiến chỉ đạo, trường hợp không thể trì hoãn

được thì tùy từng trường hợp có thể báo cáo trực tiếp bằng miệng hoặc thông qua phương tiện thông tin (như điện thoại, thư điện tử...), nhưng phải bảo đảm độ mật và sau đó phải báo cáo lại bằng văn bản để lưu hồ sơ công tác.

Điều 33. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ trưởng hoặc Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra

1. Ý kiến chỉ đạo của Thủ trưởng hoặc Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra phải thể hiện bằng văn bản, trường hợp chỉ đạo trực tiếp bằng miệng thì Điều tra viên phải ghi lại cụ thể, rõ ràng bằng văn bản, có xác nhận của Thủ trưởng hoặc Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra và đưa vào hồ sơ lưu của vụ án (hồ sơ AK).

2. Trường hợp không nhất trí với ý kiến chỉ đạo của Thủ trưởng hoặc Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra thì Điều tra viên có quyền kiến nghị; nếu Thủ trưởng hoặc Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra không nhất trí với kiến nghị đó thì Điều tra viên vẫn phải chấp hành, nhưng có quyền bảo lưu ý kiến của mình và kiến nghị lên Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp trên trực tiếp hoặc Thủ trưởng quản lý ngành.

Điều 34. Thực hiện các quyết định, lệnh về tố tụng hình sự của Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra và tiến hành các biện pháp điều tra theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự

1. Điều tra viên có trách nhiệm tổ chức, thực hiện nghiêm chỉnh các quyết định, lệnh về tố tụng hình sự của Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

2. Khi đề xuất Thủ trưởng hoặc Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra quyết định về tố tụng hình sự đối với các đối tượng có nhân thân đặc biệt, Điều tra viên phải thực hiện theo quy định tại Thông tư số 01/2006/TT-BCA(C11) ngày 12/01/2006 của Bộ Công an hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Điều 35 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 (Thông tư số 01/2006/TT-BCA(C11) ngày 12/01/2006) và Quyết định số 1044/2007/QĐ-BCA(C11) ngày 05/9/2007 của Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Quy định về phân công trách nhiệm và quan hệ phối hợp trong hoạt động điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an các cấp.

3. Khi thi hành lệnh bắt, khám xét, kê biên tài sản, thu giữ, tạm giữ tài sản, vật chứng trong quá trình điều tra vụ án hình sự theo sự phân công của Thủ trưởng hoặc Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên có trách nhiệm:

a) Xây dựng và thực hiện theo kế hoạch đã được Thủ trưởng hoặc Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra duyệt, khi tiến hành phải tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

b) Sau khi thi hành lệnh bắt, khám xét, việc thu giữ, bảo quản vật chứng, xử lý vật chứng phải thực hiện đúng theo quy định tại các điều 75, 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003;

c) Nghiêm cấm Điều tra viên tự bảo quản tài sản hoặc vật chứng của vụ án (trừ trường hợp vật chứng được đưa vào bảo quản trong hồ sơ vụ án); trường hợp Điều tra viên cần sử dụng vật chứng vào công tác đấu tranh, khai thác đối với người bị tạm giữ hoặc bị can để làm rõ hành vi phạm tội của họ thì phải được Thủ trưởng hoặc Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra duyệt, sau khi sử dụng xong phải nhập kho vật chứng theo quy định.

4. Trong quá trình thi hành lệnh bắt, khám xét, kê biên, thu giữ, tạm giữ, chuyển giao tài liệu, vật chứng, Điều tra viên không được để hư hỏng, mất, nhầm lẫn, không được đổi, tráo tài liệu, vật chứng, tài sản, đồ vật đã thu giữ; phải làm đầy đủ thủ tục giao, nhận vật chứng, tài sản, đồ vật theo quy định của pháp luật, biên bản phải được đưa ngay vào hồ sơ vụ án.

5. Việc trích xuất, áp giải người bị bắt, bị can, dẫn giải người làm chứng phải được thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng và quy định của Bộ Công an về trích xuất, áp giải, dẫn giải và kế hoạch đã được Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra duyệt. Quá trình áp giải không được cho người bị bắt, bị can gặp người thân, người không có trách nhiệm hoặc cho về thăm gia đình nhằm đảm bảo an toàn tuyệt đối về tính mạng, sức khỏe và không để người bị bắt, bị can bỏ trốn, thông cung hoặc tự sát.

6. Khi thực hiện các biện pháp điều tra như: khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, xem xét dấu vết trên thân thể, khám xét, lấy lời khai người làm chứng, người bị hại; trưng cầu giám định, hỏi cung bị can, nhận dạng, đối chất… Điều tra viên phải thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật tố tụng hình sự quy định và kế hoạch đã được Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra duyệt; lập biên bản theo đúng quy định của pháp luật tố tụng hình sự, không được tùy tiện sửa chữa, ghi thêm hoặc bớt nội dung vào các biên bản hoạt động điều tra.

Điều 35. Triệu tập những người tham gia tố tụng

Khi triệu tập, hỏi cung bị can tại ngoại; triệu tập và lấy lời khai người làm chứng, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, Điều tra viên phải thực hiện theo đúng quy định về trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, Thông tư số 01/2006/TT-BCA(C11) ngày 12/01/2006 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; trong quá trình thực hiện việc triệu tập cần chú ý:

1. Phải có Giấy triệu tập bị can tại ngoại, người làm chứng, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, hoặc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án theo danh sách, kế hoạch đã được Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra duyệt. Giấy triệu tập phải ghi đầy đủ các nội dung về việc triệu tập, tư cách tham gia tố tụng của người bị triệu tập.

2. Giấy triệu tập bị can tại ngoại, người làm chứng, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án phải gửi

cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (qua Công an xã, phường, thị trấn) nơi người bị triệu tập cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi quản lý người bị triệu tập để các cơ quan này chuyển đến cho họ.

3. Điều tra viên không được đưa giấy triệu tập cho bị can tại ngoại, người bị hại, người làm chứng hoặc người có liên quan trong vụ án để chuyển cho bị can tại ngoại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Trường hợp cần thiết và được sự đồng ý của Thủ trưởng hoặc Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra thì Điều tra viên được đi cùng với đại diện cơ quan, chính quyền địa phương để chuyển Giấy triệu tập.

4. Điều tra viên phải tiếp và làm việc với người bị triệu tập tại trụ sở cơ quan Công an hoặc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan, tổ chức nơi làm việc của họ. Trường hợp cần tiếp và làm việc với người bị triệu tập ở ngoài nơi quy định nêu trên, phải được sự đồng ý của Thủ trưởng hoặc Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra.

Điều 36. Quan hệ của Điều tra viên với Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong hoạt động điều tra hình sự

1. Điều tra viên được phân công điều tra vụ án, khi tiến hành các hoạt động điều tra có trách nhiệm gửi các quyết định hoặc lệnh về tố tụng hình sự đến Viện kiểm sát cùng cấp theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

2. Theo sự chỉ đạo của Thủ trưởng hoặc Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên được phân công điều tra vụ án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu điều tra của Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 và Thông tư liên tịch số 05/2005/TTLT-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 07/9/2005 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng về quan hệ phối hợp giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong việc thực hiện một số quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 (Thông tư liên tịch số 05/2005/TTLT-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 07/9/2005). Nếu yêu cầu điều tra của Viện kiểm sát không thống nhất với ý kiến chỉ đạo của Thủ trưởng hoặc Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra thì Điều tra viên có trách nhiệm báo cáo Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra và thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của Thủ trưởng hoặc Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra.

3. Điều tra viên phải tạo điều kiện thuận lợi để Kiểm sát viên thực hiện nhiệm vụ kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động điều tra vụ án hình sự và phối hợp tiến hành một số hoạt động điều tra theo quy định của pháp luật.

4. Trong quá trình tiến hành điều tra vụ án, nếu phát hiện những dấu hiệu hoặc việc làm không đúng quy định pháp luật của Kiểm sát viên thì Điều tra viên kịp thời báo cáo bằng văn bản với Thủ trưởng hoặc Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra biết để xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Trách nhiệm của Điều tra viên đối với việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng hình sự

1. Điều tra viên có trách nhiệm đảm bảo cho những người tham gia tố tụng hình sự thực hiện các quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định của pháp luật.

2. Trong quá trình điều tra vụ án hình sự, khi làm việc với những người tham gia tố tụng hình sự, Điều tra viên phải giải thích cho những người này biết về quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định của pháp luật và việc giải thích phải ghi rõ vào biên bản hoạt động điều tra.

3. Khi người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự, hoặc trợ giúp viên pháp lý tham gia các hoạt động tố tụng hình sự thì Điều tra viên thực hiện theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, Luật trợ giúp pháp lý năm 2006, Thông tư liên tịch số 11/2013/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-VKSNDTC-TANDTC ngày 04/7/2013 của Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thực hiện một số quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng, Thông tư số 70/2011/TT-BCA ngày 10/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự liên quan đến việc bảo đảm quyền bào chữa trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

4. Điều tra viên chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cán bộ Trại tạm giam hoặc Nhà tạm giữ để bảo đảm cho các hoạt động của người bào chữa hoặc của người tham gia tố tụng khác theo quy định của pháp luật khi họ được gặp người bị tạm giữ hoặc bị can đang bị tạm giam.

Điều 38. Trách nhiệm của Điều tra viên trong việc xử lý vi phạm đối với người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự hoặc trợ giúp viên pháp lý

1. Khi phát hiện thấy người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự hoặc trợ giúp viên pháp lý có hành vi cản trở, gây khó khăn cho hoạt động điều tra như: cưỡng ép, xúi giục người khác khai báo gian dối, ngăn cản việc khai báo, tiết lộ bí mật, cung cấp tài liệu sai sự thật, khiếu nại, kiến nghị không có căn cứ hoặc có hành vi trái pháp luật khác thì Điều tra viên tiến hành lập biên bản sự việc trên, có thể ghi âm, ghi hình hoặc tiến hành biện pháp khác nhằm thu thập tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi cản trở, gây khó khăn cho hoạt động điều tra của họ.

2. Tùy theo mức độ vi phạm của người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự hoặc trợ giúp viên pháp lý, Điều tra viên báo cáo Thủ trưởng hoặc Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận người bào chữa, Giấy chứng nhận người bảo vệ quyền lợi của đương sự hoặc đề xuất biện pháp xử lý khác theo quy định của pháp luật.

Điều 39. Trách nhiệm của Điều tra viên trong việc xây dựng báo cáo kết thúc điều tra và bản kết luận điều tra vụ án hình sự

1. Khi kết thúc điều tra vụ án hình sự, Điều tra viên (thụ lý chính) phải làm báo cáo kết thúc điều tra và đề xuất với Thủ trưởng hoặc Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra xin chủ trương chỉ đạo. Báo cáo kết thúc điều tra phải nêu rõ được diễn biến nội dung vụ án, đánh giá chứng cứ chứng minh tội phạm và hành vi của người phạm tội, quan điểm của Điều tra viên về việc xử lý vụ án, xử lý bị can (nếu có ý kiến khác nhau về quan điểm xử lý đối với vụ án, bị can giữa các Điều tra viên thì phải báo cáo rõ từng loại ý kiến khác nhau).

2. Dự thảo bản kết luận điều tra đề nghị truy tố hoặc bản kết luận điều tra để quyết định đình chỉ điều tra vụ án do Điều tra viên (thụ lý chính) xây dựng để trình Thủ trưởng hoặc Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra duyệt ký. Điều tra viên thực hiện việc giao nhận các văn bản này cho những người tham gia tố tụng trong vụ án theo quy định của pháp luật.

Điều 40. Trách nhiệm của Điều tra viên trong việc thực hiện các yêu cầu điều tra bổ sung, điều tra lại vụ án hình sự

1. Khi được Thủ trưởng hoặc Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra chỉ đạo, Điều tra viên được phân công điều tra vụ án tiếp tục thực hiện các yêu cầu điều tra bổ sung, điều tra lại do Viện kiểm sát hoặc Tòa án yêu cầu.

2. Điều tra viên phải lập kế hoạch điều tra bổ sung, điều tra lại, trình Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra duyệt. Việc tiến hành điều tra lại hoặc điều tra bổ sung phải thực hiện đúng trình tự, thủ tục do pháp luật tố tụng hình sự quy định. Khi kết thúc việc điều tra bổ sung hoặc điều tra lại, Điều tra viên phải dự thảo bản kết luận điều tra bổ sung hoặc điều tra lại để trình Thủ trưởng hoặc Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra duyệt ký.

3. Sau khi kết thúc điều tra, chuyển hồ sơ điều tra bổ sung, điều tra lại đến Viện kiểm sát đề nghị truy tố, thì Điều tra viên phải theo dõi và báo cáo, đề xuất kịp thời về kết quả giải quyết xử lý tiếp theo của Viện kiểm sát, Tòa án để Thủ trưởng hoặc Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra kịp thời kiến nghị về những nội dung giải quyết của Viện kiểm sát, Tòa án nếu thấy chưa phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 41. Trách nhiệm của Điều tra viên trong việc sử dụng các biểu mẫu tố tụng hình sự và con dấu của Cơ quan điều tra

1. Điều tra viên phải sử dụng các biểu mẫu tố tụng hình sự đúng mục đích, đúng đối tượng, giữ gìn cẩn thận; không được đóng dấu khống chỉ vào biểu mẫu tố tụng hình sự hoặc cho người khác sử dụng biểu mẫu tố tụng hình sự.

2. Khi được phân công thụ lý điều tra vụ án, Điều tra viên được đóng dấu Cơ quan điều tra vào các biên bản hoạt động điều tra do mình lập hoặc các quyết định

về tố tụng hình sự do Điều tra viên có thẩm quyền ký theo quy định tại Thông tư số 01/2006/TT-BCA(C11) ngày 12/01/2006.

3. Việc đóng dấu bút lục các tài liệu có trong hồ sơ vụ án trước khi kết thúc điều tra do Điều tra viên thực hiện theo quy định tại điểm 1 Mục 20 của Thông tư liên tịch số 05/2005/TTLT-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 07/9/2005.

Điều 42. Trách nhiệm của Điều tra viên trong việc phối hợp theo dõi người bị tạm giữ, tạm giam

1. Trường hợp Điều tra viên phát hiện thấy người không có trách nhiệm gặp người bị tạm giữ, tạm giam trong khu vực Trại tạm giam, Nhà tạm giữ thì Điều tra viên phải trao đổi ngay với Giám thị Trại tạm giam hoặc Trưởng Nhà tạm giữ lập biên bản; đồng thời, báo cáo trực tiếp với Thủ trưởng hoặc Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra biết để kịp thời có ý kiến chỉ đạo.

2. Trường hợp do yêu cầu nghiệp vụ mà Thủ trưởng hoặc Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra đồng ý thì Điều tra viên được trực tiếp nhận quà, đồ dùng sinh hoạt cho người bị tạm giữ, tạm giam và chuyển đến Trại tạm giam, Nhà tạm giữ để giao cho bộ phận có trách nhiệm của Trại tạm giam, Nhà tạm giữ tiếp nhận để chuyển cho người bị tạm giữ, tạm giam theo quy định.

Điều 43. Trách nhiệm của Điều tra viên trong việc theo dõi quá trình xét xử vụ án hình sự của Tòa án

Khi vụ án được đưa ra xét xử, trường hợp xét thấy cần thiết thì Thủ trưởng hoặc Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra trao đổi với Tòa án để gửi giấy mời dự phiên tòa cho Điều tra viên (thụ lý chính). Điều tra viên (thụ lý chính) có trách nhiệm theo dõi diễn biến và kết quả xét xử của Tòa án và báo cáo kịp thời với Thủ trưởng hoặc Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra để chỉ đạo phối hợp giải quyết các vấn đề mới phát sinh trong quá trình xét xử.

Điều 44. Trách nhiệm của Điều tra viên trong việc đăng ký và quản lý hồ sơ vụ án hình sự

1. Khi được phân công giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố hoặc điều tra vụ án, Điều tra viên (thụ lý chính) phải đăng ký vào sổ thụ lý của đơn vị, làm thủ tục đăng ký hồ sơ với cơ quan quản lý hồ sơ nghiệp vụ, đồng thời có trách nhiệm quản lý chặt chẽ hồ sơ tố tụng của vụ án và làm thủ tục đăng ký hồ sơ AK, hồ sơ đối tượng truy nã (nếu có). Nộp lưu hồ sơ khi kết thúc điều tra theo quy định của Luật lưu trữ và quy định của Bộ Công an về chế độ công tác hồ sơ nghiệp vụ.

2. Đối với hồ sơ tố tụng hình sự và vật chứng của vụ án khi chuyển Viện kiểm sát đề nghị truy tố, Điều tra viên phải lập biên bản giao nhận hồ sơ, vật chứng kèm theo bản thống kê đầy đủ hồ sơ tài liệu, vật chứng. Những tài liệu không thuộc hồ sơ tố tụng thì đưa vào hồ sơ AK để nộp lưu tại cơ quan hồ sơ nghiệp vụ.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 45. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2014, thay thế những quy định trước đây của Bộ Công an về hoạt động điều tra hình sự trong Công an nhân dân trái với Thông tư này.

Điều 46. Trách nhiệm thi hành

1. Các Tổng cục trưởng, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ, Giám đốc Công an, Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Thủ trưởng các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trong Công an nhân dân trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

2. Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp, Tổng cục An ninh II, Tổng cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm chịu trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện Thông tư nếu có vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ (qua Tổng cục An ninh II, Tổng cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm) để có hướng dẫn kịp thời./.

BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Trần Đại Quang